



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch (từ ngày 19/6/2020)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Chủ tịch (đến ngày 19/6/2020)
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành
	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký
43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

0303030303
NA

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính riêng này.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 31 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự phòng đầu tư tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong khoản mục đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty có khoản đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 13.791 triệu VND (1/1/2020: 13.791 triệu VND). Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng việc trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn này là không cần thiết do báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định thể hiện vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết này nhỏ hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, công ty liên kết này, trên thực tế, chưa thực hiện đánh giá về khả năng thu hồi của một số khoản phải thu đã quá hạn từ 1 đến 3 năm với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 37.444 triệu VND (1/1/2020: 53.143 triệu VND). Trong trường hợp Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định cần phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu đã quá hạn này, vốn chủ sở hữu thực có của công ty liên kết này sau trích lập dự phòng có thể nhỏ hơn vốn góp thực tế của các bên và, do đó, Tổng Công ty có thể sẽ cần phải lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định.

Do hạn chế về thông tin liên quan đến khả năng thanh toán những khoản phải thu trên của những khách hàng có liên quan của Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, do đó, không thể xác định giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định của Tổng Công ty và số dự phòng phải lập cho khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như ảnh hưởng tương ứng đối với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các khoản mục chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm kết thúc cùng ngày.

Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ tương ứng do ảnh hưởng của vấn đề tương tự đối với các khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các khoản mục chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Vấn đề đó có thể ảnh hưởng tới thông tin so sánh có liên quan được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Thu nhập từ cổ tức

Như trình bày tại Thuyết minh 8(a)(ii), trong năm 2020, Tổng công ty ghi nhận khoản cổ tức trị giá 5,75 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định, một công ty liên kết, dựa trên đề xuất chia cổ tức của Hội đồng quản trị mà chưa có sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của công ty liên kết này. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, quyền nhận cổ tức này của Tổng công ty chưa được xác lập. Vì vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, phải thu ngắn hạn khác và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng đang bị ghi nhận thừa cùng một khoản 5,75 tỷ VND, doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đang bị ghi nhận thừa cùng một khoản 5,75 tỷ VND.

11/2020
Y
30/11
1.8/11

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00236-21-1



Wang Loan Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2021

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		364.865.464.072	435.722.325.733
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.548.630.328	35.180.329.997
Tiền	111		16.548.630.328	35.180.329.997
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	5.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		213.028.941.603	205.640.767.426
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	198.264.898.873	190.616.562.642
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.763.546.713	1.734.885.888
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	6.500.000.000	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	12.424.811.962	13.232.833.647
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.924.315.945)	(5.943.514.751)
Hàng tồn kho	140	10	127.622.124.400	183.454.326.858
Hàng tồn kho	141		128.858.581.173	190.752.776.406
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.236.456.773)	(7.298.449.548)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.665.767.741	1.446.901.452
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	2.592.871.259	1.423.281.062
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	72.896.482	23.620.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		698.582.784.426	755.395.837.031
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.461.807.506	9.558.257.638
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	9.461.807.506	9.558.257.638
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(2.000.000.000)	-
Tài sản cố định	220		595.403.023.645	621.151.901.862
Tài sản cố định hữu hình	221	11	585.125.691.354	608.233.715.447
<i>Nguyên giá</i>	222		1.001.746.644.159	973.572.739.308
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(416.620.952.805)	(365.339.023.861)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	9.962.332.291	12.540.186.415
<i>Nguyên giá</i>	225		14.580.151.169	14.580.151.169
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.617.818.878)	(2.039.964.754)
Tài sản cố định vô hình	227		315.000.000	378.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		698.000.000	698.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(383.000.000)	(320.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	13	6.138.075.942	6.734.325.217
<i>Nguyên giá</i>	231		12.378.939.809	12.378.939.809
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.240.863.867)	(5.644.614.592)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.461.496.771	46.552.689.583
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	18.461.496.771	46.552.689.583
Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.883.209.426	63.383.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	17.518.479.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	41.816.174.793	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	4.200.000.000	2.700.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		6.235.171.136	8.015.453.305
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	6.235.171.136	8.015.453.305
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.063.448.248.498	1.191.118.162.764

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		862.532.337.392	990.539.356.944
Nợ ngắn hạn	310		439.613.992.814	520.040.474.262
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	69.765.673.948	154.467.699.606
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		791.548.122	8.566.317.977
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	624.259.709	1.302.559.117
Phải trả người lao động	314		5.942.131.174	7.024.787.594
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.492.223.722	2.473.447.621
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	1.348.189.639	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	4.205.736.467	2.114.117.066
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20(a)	353.163.375.540	342.311.090.788
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	1.280.854.493	1.780.454.493
Nợ dài hạn	330		422.918.344.578	470.498.882.682
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	-	2.083.567.445
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	6.331.923.822	9.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20(b)	416.586.420.756	459.083.391.415
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		200.915.911.106	200.578.805.820
Vốn chủ sở hữu	410	23	200.915.911.106	200.578.805.820
Vốn cổ phần	411	24	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	64.017.067.516	64.017.067.516
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		898.843.590	561.738.304
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		561.738.304	328.377.987
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		337.105.286	233.360.317
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.063.448.248.498	1.191.118.162.764

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.021.863.278.533	1.041.388.771.131
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	956.599.042.334	996.041.834.915
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		65.264.236.199	45.346.936.216
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	29.640.964.682	41.049.642.147
Chi phí tài chính	22	30	62.623.624.537	58.952.738.638
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>51.873.247.615</i>	<i>50.922.438.005</i>
Chi phí bán hàng	25	31	8.740.964.604	8.369.323.735
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	23.258.495.818	19.563.681.409
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		282.115.922	(489.165.419)
Thu nhập khác	31		1.090.716.493	2.469.929.081
Chi phí khác	32		1.035.727.129	188.028.432
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		54.989.364	2.281.900.649
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		337.105.286	1.792.735.230
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	1.559.374.913
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		337.105.286	233.360.317

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		337.105.286	1.792.735.230
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		58.743.720.812	58.709.741.071
Các khoản dự phòng	03		(81.191.581)	(2.134.721.309)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.699.619.476)	(1.287.713.960)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(11.475.771.822)	(24.398.573.618)
Chi phí lãi vay	06		51.873.247.615	50.922.438.005
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		95.697.490.834	83.603.905.419
Biến động các khoản phải thu	09		(9.488.762.585)	15.902.441.455
Biến động hàng tồn kho	10		61.894.195.233	44.090.226.599
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(97.499.831.968)	41.500.647.136
Biến động chi phí trả trước	12		610.691.972	6.199.390.624
			51.213.783.486	191.296.611.233
Tiền lãi vay đã trả	14		(49.375.942.535)	(52.363.647.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(536.325.829)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(499.600.000)	(650.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		801.915.122	138.282.444.167
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.598.243.984)	(61.061.986.993)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		49.658.045	5.634.492.879
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(500.000.000)	(12.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24		3.500.000.000	14.200.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	13.473.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		10.334.942.285	14.494.841.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.786.356.346	(26.159.652.181)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

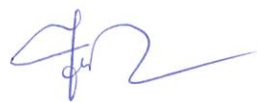
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		845.577.764.984	716.782.465.593
Tiền trả nợ gốc vay	34		(871.803.764.211)	(820.209.723.773)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.145.827.424)	(1.606.548.003)
Tiền trả cổ tức	36		(205.050.000)	(6.721.353.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.576.876.651)	(111.755.159.933)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(18.988.605.183)	367.632.053
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		35.180.329.997	34.535.527.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		356.905.514	277.170.075
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	16.548.630.328	35.180.329.997

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2020: 4 công ty con và 4 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 1.103 nhân viên (1/1/2020: 1.169 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 74.749 triệu VND (1/1/2020: 84.318 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 20(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty, tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 50 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	887.835.871	749.262.837
Tiền gửi ngân hàng	15.660.794.457	34.431.067.160
	<hr/>	<hr/>
	16.548.630.328	35.180.329.997
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)

	1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (ii)	2.700.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 6,4% (2019: từ 6,2% đến 7,3%).
- (ii) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (2019: từ 7,8% đến 8,2%).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			1/1/2020				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)	52,52%	2.876.479.633	(*)	
• Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)	100,00%	5.000.000.000	(*)	
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)	62,58%	5.632.500.000	(*)	
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)	53,46%	4.009.500.000	(*)	
			<u>17.518.479.633</u>			<u>17.518.479.633</u>		
▪ Công liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)	36,00%	3.045.174.793	(*)	
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)	36,92%	23.000.000.000	(*)	
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)	36,00%	1.980.000.000	(*)	
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)	45,97%	13.791.000.000	(*)	
			<u>41.816.174.793</u>			<u>41.816.174.793</u>		
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,002%	0,002%	1.348.555.000	4.659.257.525	0,002%	1.348.555.000	2.562.254.500	
			<u>60.683.209.426</u>			<u>60.683.209.426</u>		

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	1.409.892.970	4.459.040.808
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	1.788.419.544	1.311.139.073
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	179.626.488	512.125.020
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	-	1.892.100
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	119.233.824.989	82.527.229.521
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	48.483.349	2.057.484.782
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	241.204.811	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	-	1.867.747
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	4.686.453.694	12.485.874.473
Công ty Cổ phần Sợi Quảng Đà	-	22.210.498.856
Công ty TNHH Đức Hiếu	7.737.710.301	-
Các khách hàng khác	62.939.282.727	65.049.410.262
	198.264.898.873	190.616.562.642

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 7,5% (1/1/2020: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty này chưa thanh toán.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định (công ty liên kết). Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 7% (1/1/2020: 7,5%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải thu các công ty liên kết	8.328.879.000	9.946.360.000
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	3.163.492.425	1.592.803.138
Phải thu tiền lãi cho vay từ công ty liên kết	36.995.968	37.500.000
Ký cược, ký quỹ	420.868.000	420.947.481
Phải thu khác	474.576.569	1.235.223.028
	12.424.811.962	13.232.833.647

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	281.625.000	683.712.355
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	924.920.044	572.082.783
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	2.511.040.148	1.293.479.945
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	198.534.000	283.620.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (ii)	5.750.000.000	6.900.000.000
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	476.641.559	331.393.055
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.062.606.642	1.026.375.000
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	324.000.000	486.000.000
	11.529.367.393	11.576.663.138

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

- (ii) Trong năm 2020, Tổng công ty ghi nhận khoản cổ tức trị giá 5,75 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định, một công ty liên kết, dựa trên đề xuất chia cổ tức của Hội đồng quản trị mà chưa có sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của công ty liên kết này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty (*)	5.793.421.544	5.793.421.544
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	468.385.962	564.836.094
	<hr/>	<hr/>
	9.461.807.506	9.558.257.638

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Một phần của khoản phải thu này trị giá 2,4 tỷ VND đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo Công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ phần còn lại của khoản phải thu trị giá 2,9 tỷ VND liên quan đến các chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản phải thu này được trích dự phòng với số tiền là 2 tỷ VND.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-
Công ty TNHH Thành Vin	Từ 1 năm đến 2 năm	5.259.999.999	(5.259.999.999)	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	5.399.999.999	(1.620.000.000)	3.779.999.999
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.082.286.451	(324.685.935)	757.600.516	Từ 6 tháng đến 1 năm	40.622.241	(12.186.672)	28.435.569
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	3.260.117.668	(2.030.058.834)	1.230.058.834	Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.307.996.750	(1.307.996.750)	-	Trên 3 năm	1.309.753.652	(1.309.753.652)	-
		13.911.975.295	(11.924.315.945)	1.987.659.350		9.751.950.319	(5.943.514.751)	3.808.435.568
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(9.924.315.945)				(5.943.514.751)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(2.000.000.000)				-	
			(11.924.315.945)				(5.943.514.751)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	7.363.780.455	-	14.615.721.617	-
Nguyên vật liệu	76.821.279.260	-	51.546.298.731	(1.681.896)
Công cụ và dụng cụ	186.936.204	-	128.583.309	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.294.622.887	-	9.638.409.412	-
Thành phẩm	35.283.646.893	(1.062.555.435)	88.814.743.950	(5.102.582.122)
Hàng hóa	1.908.315.474	(173.901.338)	14.190.211.408	(2.163.612.855)
Hàng gửi đi bán	-	-	11.818.807.979	(30.572.675)
	128.858.581.173	(1.236.456.773)	190.752.776.406	(7.298.449.548)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 2.165 triệu VND thành phẩm và hàng hóa (1/1/2020: 26.464 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

100
CỔ
SỞ HỮU
KHOẢN

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	292.829.733.054	2.717.614.488	638.283.812.248	39.741.579.518	973.572.739.308
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	2.725.978.213	254.118.182	29.570.069.996	139.270.405	32.689.436.796
Thanh lý	-	-	(4.230.478.710)	(285.053.235)	(4.515.531.945)
Số dư cuối năm	295.555.711.267	2.971.732.670	663.623.403.534	39.595.796.688	1.001.746.644.159
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	73.376.394.000	1.481.301.692	276.578.607.422	13.902.720.747	365.339.023.861
Khấu hao trong năm	14.392.287.776	268.372.993	36.795.790.378	4.050.166.266	55.506.617.413
Thanh lý	-	-	(3.939.635.234)	(285.053.235)	(4.224.688.469)
Số dư cuối năm	87.768.681.776	1.749.674.685	309.434.762.566	17.667.833.778	416.620.952.805
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	219.453.339.054	1.236.312.796	361.705.204.826	25.838.858.771	608.233.715.447
Số dư cuối năm	207.787.029.491	1.222.057.985	354.188.640.968	21.927.962.910	585.125.691.354

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 262.514 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 157.029 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 541.769 triệu VND (1/1/2020: 527.951 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.039.964.754
Khấu hao trong năm	2.577.854.124
Số dư cuối năm	4.617.818.878
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	12.540.186.415
Số dư cuối năm	9.962.332.291

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại 9.962 triệu VND (1/1/2020: 7.524 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.644.614.592
Khấu hao trong năm	596.249.275
Số dư cuối năm	6.240.863.867
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	6.734.325.217
Số dư cuối năm	6.138.075.942

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	46.552.689.583	22.509.306.802
Tăng trong năm	7.388.924.984	70.955.500.794
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(32.689.436.796)	(43.212.026.962)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(696.539.940)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15(b))	(2.553.663.045)	(2.630.716.566)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(237.017.955)	(372.834.545)
Số dư cuối năm	18.461.496.771	46.552.689.583

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.079.345.579	13.262.879.215
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	-	315.045.271
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	35.855.784	27.628.469.689
Các công trình khác	332.928.273	332.928.273
Số dư cuối năm	18.461.496.771	46.552.689.583

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	473.042.775	729.407.628
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.119.828.484	693.873.434
	<hr/>	<hr/>
	2.592.871.259	1.423.281.062
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	8.015.453.305
Tăng trong năm	3.141.760.574
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	2.553.663.045
Phân bổ trong năm	(7.475.705.788)
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.235.171.136
	<hr/>

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	1.129.870.630	452.138.282
Bên khác		
AFCOM TRADING DMCC	10.353.373.780	-
CAM Negoce, Division Cotton	7.585.559.661	-
DEVCOT S.A	7.381.238.385	2.438.835
RCMA Asia Pte. Ltd	5.344.360	24.554.758.448
Osc Cotton Trading L.L.C	-	27.788.576.777
OmniCotton Inc	5.572.135	33.302.549.551
Glencore Agriculture B.V	723.220	18.743.510.207
Các nhà cung cấp khác	43.303.991.777	49.623.727.506
	<hr/>	<hr/>
	69.765.673.948	154.467.699.606
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	778.280.659	74.100.013.398	(74.278.932.181)	599.361.876
Thuế nhập khẩu	-	127.269.824	(127.269.824)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	487.049.737	-	(536.325.829)	(49.276.092)
Thuế thu nhập cá nhân	23.590.978	119.535.398	(130.733.570)	12.392.806
Thuế tài nguyên	13.637.743	288.444.474	(289.577.190)	12.505.027
Tiền thuê đất	-	5.623.809.752	(5.623.809.752)	-
Các loại thuế khác	(23.620.390)	38.765.999	(38.765.999)	(23.620.390)
	1.278.938.727	80.297.838.845	(81.025.414.345)	551.363.227
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(23.620.390)			(72.896.482)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.302.559.117			624.259.709

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	1.475.168.947	1.080.307.904
Chi phí điện, nước phải trả	732.891.372	1.116.285.405
Chi phí khác	284.163.403	276.854.312
	2.492.223.722	2.473.447.621

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	595.756.804	160.571.440
Cổ tức phải trả	1.069.336.250	1.274.386.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	2.490.463.413	388.019.376
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	50.180.000	291.140.000
	4.205.736.467	2.114.117.066

(*) Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	6.212.500.000	9.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	6.331.923.822	9.331.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20.	Vay và nợ thuê tài chính	Biến động trong năm			
		1/1/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
(a)	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	VND	VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
	Vay ngắn hạn	293.442.246.075	838.865.032.777	(818.911.920.141)	310.179.153.751
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	46.723.017.289	40.919.028.538	(46.723.017.289)	40.864.920.203
	Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(b))	2.145.827.424	2.121.847.547	(2.145.827.424)	2.119.301.586
		342.311.090.788	881.905.908.862	(867.780.764.854)	353.163.375.540

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 3,5%	48.572.054.548	66.189.461.616
Vay ngân hàng 2	VND	4,4%	98.199.700.586	52.644.639.473
Vay ngân hàng 3	USD	3,40%	15.845.625.892	21.999.339.412
Vay ngân hàng 4	VND	4,4%	45.286.745.296	29.329.238.967
Vay ngân hàng 5	VND	6,5%	59.281.460.357	42.047.898.612
Vay ngân hàng 6	USD	6,2% - 6,3%	1.902.978.640	28.708.852.859
Vay ngân hàng 7	USD	6,4%	34.316.820.883	47.101.223.154
Vay nhân viên	VND	2,4% - 6,9%	6.773.767.549	5.421.591.982
			310.179.153.751	293.442.246.075

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 68.124 triệu VND (1/1/2020: 30.413 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Các khoản vay nhân viên không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn (i)	451.730.628.510	497.962.083.051
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	7.840.014.035	9.990.153.077
	459.570.642.545	507.952.236.128
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(42.984.221.789)	(48.868.844.713)
	416.586.420.756	459.083.391.415

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	134.255.276.720	136.808.523.325
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2021	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.300.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	4,5% - 5,5%	2022	135.225.612.965	157.436.122.559
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2023	79.247.843.491	91.896.696.083
Vay từ ngân hàng 10	USD	7,7%	2022	19.552.506.726	27.304.202.476
Vay từ ngân hàng 11	VND	11,1%	2022	-	1.217.150.000
				451.730.628.510	497.962.083.051

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 132.409 triệu VND (1/1/2020: 132.239 triệu VND) (Thuyết minh 11).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 283.078 triệu VND (1/1/2020: 311.738 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 58.158 triệu VND (1/1/2020: 53.561 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	2.425.091.943	305.790.357	2.556.333.773	410.506.349
Trong vòng hai đến năm năm	6.080.882.657	360.170.208	8.181.672.187	659.313.943
Sau năm năm	-	-	334.846.105	12.878.696
	8.505.974.600	665.960.565	11.072.852.065	1.082.698.988
				9.990.153.077

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong nợ thuế tài chính có số nợ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 246.570 USD (1/1/2020: 247.474 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại là 9.962 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 7.524 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.780.454.493	1.680.974.493
Trích lập trong năm	-	750.000.000
Sử dụng trong năm	(499.600.000)	(650.520.000)
Số dư cuối năm	<u>1.280.854.493</u>	<u>1.780.454.493</u>

22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	136.000.000.000	57.617.067.516	14.278.377.987	207.895.445.503
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	233.360.317	233.360.317
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	6.400.000.000	(6.400.000.000)	-
Cổ tức	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	136.000.000.000	64.017.067.516	561.738.304	200.578.805.820
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	337.105.286	337.105.286
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	136.000.000.000	64.017.067.516	898.843.590	200.915.911.106

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	53.006.160.167	54.957.307.167
	62.761.895.167	64.713.042.167

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	15.952	363.273.324	13.925	321.831.340
EUR	450	12.279.459	450	11.579.958
JPY	-	-	176.471	37.764.781
		375.552.783		371.176.079

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020	2019
	VND	VND
Bán hàng	878.049.029.774	904.788.216.790
Cung cấp dịch vụ	52.004.985.039	50.556.644.595
Dịch vụ gia công	88.308.763.731	82.169.018.853
Cho thuê bất động sản đầu tư	3.500.499.989	3.874.890.893
	1.021.863.278.533	1.041.388.771.131

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	836.296.488.290	887.072.284.117
Dịch vụ đã cung ứng	42.354.043.260	37.772.243.166
Dịch vụ gia công	82.573.304.373	73.274.699.141
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.437.199.186	1.726.017.189
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.061.992.775)	(3.803.408.698)
	956.599.042.334	996.041.834.915

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	511.903.253	1.522.146.008
Lãi do người mua chậm trả	4.472.197.923	6.429.428.839
Cổ tức được chia	8.205.054.000	17.996.360.000
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	3.000.000.000	5.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.700.319.172	1.287.713.960
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.751.490.334	8.813.993.340
	29.640.964.682	41.049.642.147

30. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	51.873.247.615	50.922.438.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.749.677.226	8.030.300.633
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	699.696	-
	62.623.624.537	58.952.738.638

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	4.884.777.616	3.232.337.316
Chi phí đại lý bán hàng	1.641.953.905	3.006.285.444
Chi phí xuất khẩu	1.795.524.541	1.766.987.106
Chi phí bán hàng khác	418.708.542	363.713.869
	8.740.964.604	8.369.323.735

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	4.566.624.636	4.943.124.254
Dự phòng phải thu khó đòi	5.980.801.194	1.668.687.389
Chi phí phân bổ trả trước	2.084.379.789	2.640.635.794
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.680.404.475	2.419.186.693
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.946.285.724	7.892.047.279
	23.258.495.818	19.563.681.409

33. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	559.340.354.244	484.912.676.092
Chi phí nhân công	101.083.313.289	105.900.649.335
Chi phí khấu hao và phân bổ	58.743.720.812	58.709.741.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.981.843.051	180.139.283.089
Chi phí khác	12.206.948.963	20.263.665.991

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	337.105.286	1.792.735.230
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	67.421.057	358.547.046
Chi phí không được khấu trừ thuế	240.123.290	2.164.193.085
Thu nhập không bị tính thuế	(2.241.010.800)	(4.599.272.000)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế (*)	3.649.038.007	3.635.906.782
Điều chỉnh thuế các năm trước theo hướng dẫn tại Nghị định 132 (*)	(2.524.739.151)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	809.167.597	-
	-	1.559.374.913

(*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể. Chi phí lãi vay năm 2019 và 2020 với số tiền lần lượt là 18.245 triệu VND và 18.180 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại số thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước theo hướng dẫn của Nghị định 132.

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(c) Các khoản thuế tiềm tàng

Trong năm, Tổng Công ty nhận được khoản hỗ trợ 3.000 triệu VND từ một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định. Theo diễn giải của Ban Giám đốc Tổng Công ty, khoản hỗ trợ này được trích ra từ lợi nhuận sau thuế của công ty liên kết nên được coi là một khoản thu nhập không bị tính thuế cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khoản hỗ trợ đó có được coi là thu nhập không bị tính thuế hay không phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại Ban Giám đốc Tổng Công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, việc không tính thuế cho khoản hỗ trợ nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn. Do vậy, Ban Giám đốc Tổng Công ty không điều chỉnh ảnh hưởng thuế có thể có của khoản thu nhập nói trên (ước tính là 600 triệu VND) khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	406.705.000	612.633.330
Mua hàng hóa và dịch vụ	39.920.000	20.000.000
Chi phí lãi vay	4.874.698.227	5.719.946.204
Lãi phí cho khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.429.551.341	7.543.855.630
Công ty con		
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Cổ tức	198.534.000	283.620.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.975.776	46.539.776
Mua dịch vụ	9.315.300.849	9.205.419.619
Chi phí lãi vay	1.383.731.625	729.375.000
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Cổ tức	250.000.000	250.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.032.360.270	12.243.065.658
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Cổ tức	281.625.000	281.625.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	47.133.788.531	49.473.787.550
Mua hàng hóa	-	21.437.018.010
Thu nhập lãi trả chậm	23.495.502	519.702.165
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Cổ tức	400.950.000	481.140.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.326.171.616	2.458.463.464
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Cổ tức	628.545.000	1.026.375.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	207.584.441.226	187.247.040.080
Mua hàng hóa	-	100.387.208.756
Thu nhập lãi trả chậm	4.311.410.755	5.759.726.674

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Cổ tức	158.400.000	237.600.000
Bán hàng hóa	2.857.907.612	1.167.240.409
Khoản cho vay	6.500.000.000	7.400.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	8.600.000.000	10.200.000.000
Thu nhập lãi vay	348.049.059	546.662.760
Thu nhập lãi trả chậm	137.291.666	150.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	5.750.000.000	14.950.000.000
Nhận hỗ trợ	3.000.000.000	5.000.000.000
Bán hàng hóa	-	41.545.588
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định		
Cổ tức	324.000.000	486.000.000
Cung cấp dịch vụ	2.464.933.928	5.951.681.440
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch		
Thù lao	18.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên		
Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên		
Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên		
Thù lao	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên		
Thù lao	-	-
Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	202.626.036	187.149.292
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	179.765.351	160.530.355
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	-	-
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	-	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<i>Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành</i> Lương thưởng	51.599.306	-
<i>Ông Vũ Ngọc Tuấn – Giám đốc Điều hành</i> Lương thưởng	166.371.167	154.635.495

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2020 VND	2019 VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản hỗ trợ phải thu	3.000.000.000	5.000.000.000
Tăng tài sản cố định thuê tài chính	-	5.425.320.000

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc